

25/9/2013

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51 /2013/QĐ-UBND

Long An, ngày 20 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 01/3/2010 của UBND tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 435/TTr-STNMT ngày 11/9//2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 01/3/2010 của UBND tỉnh như sau:

1. Thay cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” tại Khoản 1, Điều 12; Khoản 4, Điều 13; Khoản 2, Điều 23; Khoản 2, Điều 25 và Điều 27 thành cụm từ “Sở Tài chính”.

2. Hủy bỏ cụm từ “Thực hiện Điều 45 Luật Đất đai, Điều 37 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP” tại tên Điều 27.

3. Chuyển Điểm a, Khoản 2, Điều 64 sang Khoản 3, Điều 64.

4. Sửa đổi Khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 3 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến thời điểm có quyết định thu hồi đất chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp”.

5. Sửa đổi tên Điều 12 như sau:

“Giá đất làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ về đất (Thực hiện Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP; Điều 11 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP)”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi khoản 4:

“4. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư có đủ điều kiện được bồi thường, ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp cùng mục đích sử dụng, còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở trung bình của khu vực có đất bị thu hồi (trong phạm vi diện tích dự án); diện tích được hỗ trợ theo diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở mới tại địa phương”.

b) Sửa đổi Khoản 5:

“5. Trường hợp mức hỗ trợ quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 39 thì được hỗ trợ thêm để bằng với mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 39”.

c) Bổ sung khoản 7:

“7. Trường hợp đất nông nghiệp sau khi bị thu hồi phần diện tích còn lại không thể tiếp tục sản xuất nông nghiệp hoặc chuyển mục đích sử dụng đất nếu cá nhân, hộ gia đình có yêu cầu thì Nhà nước sẽ xem xét thu hồi và bồi thường theo quy định. Phần diện tích đất này được giao cho UBND cấp xã hoặc Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý theo quy định hiện hành đối với trường hợp thu hồi đất vì mục đích lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Riêng trường hợp thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế thì giao cho chủ dự án quản lý sử dụng theo quy định hiện hành”.

7. Sửa đổi Khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang hoặc nhận chuyển quyền của người sử dụng đất trước đó, đất đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”.

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Trường hợp diện tích đất ở sau khi bị thu hồi còn lại nhỏ hơn hạn mức đất ở tối thiểu theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh, hoặc phần đất còn lại không phù hợp quy hoạch để xây dựng nhà ở, nếu người bị thu hồi đất có yêu cầu Nhà nước thu hồi và bồi thường toàn bộ diện tích đất thì Nhà nước sẽ xem xét thu hồi và bồi thường theo quy định. Phần diện tích đất này được giao cho UBND cấp xã hoặc Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý theo quy định hiện hành đối với trường hợp thu hồi đất vì mục đích lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Riêng trường hợp thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế thì giao cho chủ dự án quản lý sử dụng theo quy định hiện hành”.

9. Sửa đổi tên Điều 25 như sau:

“Bồi thường chi phí hợp lý đầu tư vào đất còn lại (Thực hiện Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)”.

10. Sửa đổi Điều 29 như sau:

“Điều 29. Đơn giá tài sản trên đất để tính bồi thường

Đơn giá tài sản trên đất để tính bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và công bố hàng năm, trong năm thực hiện nếu giá cả thị trường biến động tăng, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành hệ số trượt giá thời điểm để áp dụng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“1. Đối với cây trồng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo đơn giá do UBND tỉnh ban hành hàng năm.

2. Bồi thường đối với vật nuôi:

a) Đối với vật nuôi (nuôi trồng thủy sản):

- Đối với vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất đã đến thời kỳ thu hoạch thì không được bồi thường.

- Đối với vật nuôi mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm. Trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra. Hội đồng bồi thường các huyện, thị xã, thành phố khảo sát báo cáo UBND các huyện, thị xã, thành phố đề nghị mức thiệt hại (thực hiện đồng thời với thời điểm đề nghị giá bồi thường thiệt hại về đất) gửi Sở Tài chính để tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt áp dụng cụ thể cho từng dự án.

b) Đối với các trường hợp không thuộc nuôi trồng thủy sản, Hội đồng bồi thường cấp huyện khảo sát báo cáo chủ tịch UBND cấp huyện (thực hiện đồng thời với thời điểm đề nghị giá bồi thường thiệt hại về đất) đề xuất hướng xử lý gửi Sở Tài chính tỉnh thẩm định trình UBND tỉnh xem xét quyết định cụ thể cho từng dự án”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi Khoản 2 như sau:

“2. Chủ sử dụng nhà ở, đất ở bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường theo Điều 30 quy định này thì được hỗ trợ ổn định đời sống bằng tiền cho các nhân khẩu thực tế đang ăn ở tại nơi thu hồi đất.

a) Mức hỗ trợ 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng x 12 tháng cho các đối tượng sau:

- Giải tỏa trắng nhà cất trên đất nông nghiệp;

- Giải tỏa trắng nhà mà phải di chuyển chỗ ở do cất nhà trên đất của người khác.

b) Mức hỗ trợ 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng x 24 tháng cho các đối tượng sau:

- Giải tỏa trắng nhà ở nhưng không bị thu hồi toàn bộ đất ở;
- Giải tỏa trắng nhà và đất ở hợp pháp mà phải di chuyển chỗ ở.

c) Đơn giá gạo để tính hỗ trợ là đơn giá gạo trung bình của thị trường ở tỉnh Long An tại thời điểm bồi thường do Sở Tài chính công bố”.

b) Bổ sung Khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi vừa đất nông nghiệp, vừa đất ở theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thì chỉ được hưởng một trong hai mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này”.

13. Sửa đổi Khoản 1 Điều 39 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hiểu là đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp hoặc thuê dịch vụ sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp tại Khoản 2 Điều 13 của quy định này (không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 13 của quy định này), có đủ một trong các điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 7 của quy định này thì ngoài việc được bồi thường theo quy định còn được hỗ trợ bằng tiền để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo từng khu vực như sau:

a) Thành phố Tân An: từ 1,5 đến 2 lần.

b) Các huyện Cần Đước, Cần Giuộc, Đức Hòa, Bến Lức, Thủ Thừa, Châu Thành, Tân Trụ: từ 1,5 đến 2,5 lần.

c) Các huyện Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Mộc Hóa, thị xã Kiến Tường, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, Đức Huệ: từ 1,5 đến 3 lần.

Mức hỗ trợ cụ thể sẽ do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất cho từng dự án phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đề nghị Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

a) Sửa đổi Điểm d, Khoản 1 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi đất ở thì được bố trí tái định cư trong các trường hợp sau:

d) Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống đủ điều kiện tách hộ hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương quy định diện tích đất, diện tích nhà ở để bố trí tái định cư, có đề xuất cụ thể đề nghị Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt”.

b) Bổ sung Khoản 6 như sau:

“6. Hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi hết đất ở (chưa xây dựng nhà ở) hoặc bị thu hồi một phần đất ở mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi; Hộ gia đình, cá nhân bị giải tỏa trắng nhà ở cất trên đất của người khác hoặc cất trên đất nông nghiệp mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng tiền cụ thể từng dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương, đề nghị Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt”.

15. Bổ sung Khoản 3 Điều 49 như sau:

“3. Đối với trường hợp người bị thu hồi đất không nộp bản kê khai theo thời gian quy định, vắng mặt hoặc gây cản trở, không hợp tác với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng để tiến hành kiểm kê thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định việc kê biên bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.”

16. Sửa đổi Điều 51 như sau:

“1. Hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm xem xét ý kiến đóng góp của người bị thu hồi đất để điều chỉnh lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trình Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định. Thời hạn hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tối đa không quá 10 ngày làm việc.

2. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Sau khi nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường. Thời gian thẩm định tối đa là 07 ngày làm việc.

Biên bản thẩm định phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp và được lưu trữ trong hồ sơ giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cần phải tiếp tục hoàn chỉnh lại theo biên bản thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng phải hoàn thiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Sau khi nhận lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã hoàn thiện lại, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt”.

17. Sửa đổi Khoản 3 Điều 52 như sau:

“3. Đối với dự án thu hồi đất trên địa bàn từ 2 huyện, thị xã, thành phố trở lên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.”

18. Sửa đổi Khoản 2 Điều 62 như sau:

“2. Tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; có trách nhiệm áp dụng đầy đủ, theo đúng chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND tỉnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này là một bộ phận không thể tách rời Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 01/3/2010 của UBND tỉnh và thay thế Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 24/6/2011 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UB.MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Phòng NC (TH+KT+VX+NC-TCD);
- Trung tâm Tin học;
- Lưu: VT, STNMT, An.



Đỗ Hữu Lâm

QD-SD 07-THAY THE 17-BT GPMT